UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ THẦN SA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 313/QĐ-UBND	*Thần Sa, ngày 19 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh sách, Dự toán, Dự án "Chăn nuôi bò vỗ béo" thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn xã Thần Sa năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THẦN SA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP, ngày 24/6/2023 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC, ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông trung ương;

Căn cứ quyết định số 294/QĐ-CN-MTCN, ngày 23/9/2020 của Cục chăn nuôi về ban hành hướng dẫn kỹ thuật vỗ béo Bò trước khi giết thịt;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành định mức kinh tế, kỹ thuật lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Số 19/2022/NQ-HĐND, ngày 29/8/2022 vê việc ban hành Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; số 20/2022/NQ-HDND, ngày 28/10/2022 về việc ban hành quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các Chương trình MTQG, giữa các Chương trình MTQG và các chương trình, dự án khác; cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên: Số 25/2022/QĐ-HĐND, ngày 27/11/2022 về việc ban hành Quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 địa bàn tỉnh Thái Nguyên; số 26/2024/QĐ-UBND, ngày 16/8/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 địa bàn tỉnh Thái Nguyên ban hành theo Quyết định số 25/2022/QĐ-HĐND, ngày 27/11/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên; số 30/2022/QĐ-UBND, ngày 16/12/2022 về việc Ban hành định mức kinh tế, kỹ thuật lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; số 01/2023/QĐ-UBND, ngày 03/02/2023 của UBND tỉnh quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 17/9/2025 của UBND xã Thần Sa về việc giao dự toán chi chuyển nguồn năm 2024 chuyển sang năm 2025 xã Thần Sa;

Căn cứ Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của UBND xã Thần Sa về việc thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn xã Thần Sa;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế xã và Tổ sản xuất cộng đồng thực hiện dự án "Chăn nuôi bò vỗ béo" thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn xã Thần Sa năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh sách, Dự toán, Dự án "Chăn nuôi bò vỗ béo" thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn xã Thần Sa năm 2025, cụ thể như sau:

1. Tên Dự án: Dự án "Chăn nuôi bò vỗ béo" thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn xã Thần Sa năm 2025.

2. Cơ quan quản lý Dự án: Phòng Kinh tế xã Thần Sa.

3. Chủ Dự án: Tổ sản xuất cộng đồng thực hiện Dự án "Chăn nuôi bò vỗ béo" thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn xã Thần Sa năm 2025.

4. Thời gian thực hiện Dự án: Kể từ ngày quyết định phê duyệt có hiệu lực đến ngày 31/5/2026.

5. Địa bàn thực hiện: Các xóm An Thành, Trung Thành và Tân Thành xã Thần Sa, tỉnh Thái Nguyên.

6. Đối tượng tham gia Dự án: Tổ sản xuất cộng đồng thực hiện Dự án "Chăn nuôi bò vỗ béo" thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn xã Thần Sa năm 2025 gồm 49 thành viên trong đó có 43 hộ nghèo, 05 hộ cận nghèo, 01 trưởng xóm Lũng Luông làm Tổ trưởng và là hộ làm kinh tế giỏi do UBND xã Thần Sa thành lập theo Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 10/11/2025.

7. Các hoạt động của Dự án: Tổ chức hội nghị tập huấn, chi phí thẩm định giá, hỗ trợ Bò vỗ béo 48 con trọng lượng 180-185 kg/con cho 48 hộ trực tiếp tham gia Dự án.

8. Kinh phí thực hiện

a, Tổng kinh phí thực hiện Dự án: 1.254.072.000 đồng *(bằng chữ: Một tỷ hai trăm năm mươi bốn triệu không trăm bảy mươi hai mươi nghìn đồng).*

- Nhà nước hỗ trợ: 975.000.000 đồng, gồm:

+ Hỗ trợ 100% kinh phí mua giống Bò: 185 kg/con x 48 con x 107.000 đồng = 950.160.000 đồng (trọng lượng Bò vỗ béo từ 180-185 kg/con, lấy mức tối đa 185kg/con để tính chi phí mua con giống).

+ Hỗ trợ tập huấn chuyển giao kỹ thuật: 13.260.000 đồng.

+ Chi phí thẩm định giá: 11.580.000 đồng.

- Đối ứng của các hộ tham gia Dự án: 279.072.000 đồng gồm tiền mua thức ăn hỗn hợp, công chăm sóc, nuôi dưỡng Bò vỗ béo.

b, Nguồn vốn thực hiện: Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn xã Thần Sa chuyển nguồn năm 2024 chuyển sang năm 2025 và đối ứng của các hộ tham gia Dự án.

9. Hình thức, mức quay vòng vốn

- Hình thức thu hồi để quay vòng: Bằng tiền mặt.

- Tỷ lệ quay vòng: 3% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng tham gia thuộc diện hỗ trợ theo quy định.

- Thời gian thu hồi: Tháng 5 năm 2026.

- Trường hợp trong quá trình triển khai dự án phải tạm dừng, hủy bỏ hoặc triển khai không có hiệu quả do các nguyên nhân khách quan (như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác) dẫn đến không có kết quả đầu ra theo kế hoạch, người có thẩm quyền phê duyệt xem xét, quyết định

việc thu hẹp phạm vi hoặc tạm dừng dự án và tạm dừng quay vòng, thu hồi kinh phí theo thẩm quyền.

- Gia hạn thời gian thu hồi đối với đối tượng tham gia dự án: Thực hiện theo Điều 4 Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 27/11/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

- Biên bản xác nhận mức độ thiệt hại: Thực hiện theo quy định hiện hành.

10. Dự kiến hiệu quả sau khi kết thúc Dự án

a, Hiệu quả kinh tế

Việc duy trì và phát triển, nhân rộng Dự án chăn nuôi Bò vỗ béo sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cao, tạo công ăn việc làm giúp cho các hộ có nguồn thu nhập ổn định từ chăn nuôi, góp phần phát triển kinh tế của gia đình, thoát nghèo bền vững.

b, Hiệu quả xã hội

Thực hiện hỗ trợ sản xuất sẽ giúp cho tổ sản xuất cộng đồng từng bước tiếp cận và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Dự án được thực hiện nhằm tạo ra những sản phẩm có giá trị kinh tế cao, góp phần tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào, tăng thu nhập, nâng cao đời sống tinh thần cho người dân nông thôn, sẽ góp phần thực hiện những mục tiêu kinh tế - xã hội và hướng đến hoàn thành những chỉ tiêu về tiêu chí nông thôn, làm cơ sở để chỉ đạo đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, ngoài việc phát triển chăn nuôi còn góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế cao, phát huy được tiềm năng, thế mạnh của địa phương, tạo ra khối lượng sản phẩm lớn cho xã hội.

c, Hiệu quả về môi trường

Các hộ thực hiện dự án trước khi được cấp con giống sẽ tiến hành chuẩn bị chuồng trại theo các yêu cầu, nền cứng hóa, mái che chắc chắn, có hố phân, rãnh thoát nước thải. Hàng ngày chuồng trại được thu dọn sạch sẽ. Chất thải chăn nuôi được thu gom, ủ làm phân bón hữu cơ, cải thiện chất lượng đất canh tác.

11. Phương án xử lý rủi ro

a, Rủi ro do nguyên nhân chủ quan như: Không chăm sóc Bò vỗ béo theo đúng quy trình kỹ thuật dẫn đến Bò vỗ béo chết; bán, cho, tặng Bò vỗ béo giống hoặc giết lấy thịt… người dân phải bồi hoàn số tiền ngân sách nhà nước đã hỗ trợ các hạng mục trực tiếp cho hộ dân theo Dự án và chịu trách nhiệm trước pháp luật và các hành vi nêu trên.

b, Rủi ro do nguyên nhân khách quan như: Bò vỗ béo chết do dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn, bị bệnh (gia đình và cán bộ thú y đã có nhiều giải pháp chữa trị); rắn, chó … cắn chết; bị ngã, rơi xuống khe, vách núi… phải được lập biên bản theo quy định, có xác nhận của UBND cấp xã và các bên liên quan là do nguyên nhân khách quan thì hộ gia đình sẽ được xem xét đề nghị một số hạng mục sau:

- Gia hạn thời gian thu hồi đối với đối tượng tham gia dự án:

+ Thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn từ 30% đến dưới 50% theo biên bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền: Thời gian gia hạn tối đa 12

tháng, tỷ lệ thu hồi bằng 70% tỷ lệ thu hồi nêu tại Khoản 6 Điều 4 Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 27/11/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

+ Thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn từ 50% đến 70% theo biên bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền: Thời gian gia hạn tối đa 12 tháng, tỷ lệ thu hồi bằng 50% tỷ lệ thu hồi nêu tại Khoản 6 Điều 4 Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 27/11/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

+ Các trường hợp bất khả kháng khác: Xuất trình căn cứ hợp pháp để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định gia hạn nhưng tối đa không quá 12 tháng.

- Trường hợp không thu hồi kinh phí hỗ trợ: Dự án bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn trên 70% theo biên bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

c, Các trường hợp khác: Lập biên bản theo quy định hiện hành và cung cấp các căn cứ pháp lý báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định xử lý.

d, Quy trình xử lý rủi ro khi Bò vỗ béo chết được thực hiện theo quy định hiện hành.

12. Phương án mua sắm và đầu mối thực hiện

- Tổ sản xuất cộng đồng thực hiện mua sắm theo Nghị Quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Đầu mối thực hiện mua sắm vật tư, giống vật nuôi: Thông qua người đại diện Tổ sản xuất cộng đồng.

11. Mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết cho từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ

Căn cứ kết quả nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo tiến độ trong Dự án sản xuất cộng đồng, Phòng Kinh tế xã Thần Sa có trách nhiệm hướng dẫn Tổ trưởng Tổ sản xuất cộng đồng thực hiện thanh, quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, hoạt động hỗ trợ, cụ thể:

TT	Nội dung hoạt động	Mức hỗ trợ	Tiến độ cấp phát và thanh toán	Dự toán chi tiết
1	Thẩm định giá	11.580.000 đồng/gói	Tháng 10/2025	11.580.000
2	Tổ chức tập huấn kỹ thuật cho các hộ	13.260.000 đồng/lớp/ngày	Tháng 11/2025	13.260.000
3	Chuyển giao con giống cho thành viên tổ SXCĐ	- 01con/01 hộ - Từ 180-185 kg/con - Tối đa 19.795.000 đồng/con	Tháng 11/2025	950.160.000
4	Thu hồi quay vòng một phần vốn		Tháng 5/2026	3% tổng số tiền hỗ trợ trực tiếp theo quy định

Điều 2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện dự án

1. Phòng Kinh tế xã

- Căn cứ Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, ký hợp đồng với đại diện tổ nhóm cộng đồng thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Tổ chức thực hiện các nội dung, hoạt động hỗ trợ theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao (nếu có).

- Thanh toán, giải ngân vốn cho bên cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng mua bán có xác nhận ba bên, bao gồm chủ dự án, bên cung cấp dịch vụ, hàng hóa và cơ quan quản lý dự án.

- Lập sổ theo dõi, giám sát việc sử dụng tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có), tổ chức thanh lý, thu hồi tài sản theo quy định (nếu có).

- Có trách nhiệm quản lý, giám sát quá trình triển khai thực hiện dự án đúng theo quy định.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nội dung dự án đến các xóm, các tầng lớp nhân dân trên địa bàn xã.

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện dự án về cơ quan thường trực.

- Cử cán bộ chuyên môn tư vấn hướng dẫn và giúp đỡ thành viên tổ sản xuất cộng đồng trong quá trình thực hiện dự án.

- Có biện pháp xử lý các trường hợp vi phạm (nếu có).

2. Tổ sản xuất cộng đồng

- Thực hiện quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ trong nội dung của dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo đúng nội dung, mục đích, định mức theo Quyết định phê duyệt dự án.

- Lập sổ theo dõi tình hình sử dụng tài sản sau hỗ trợ, trích khấu hao tài sản cố định, định kỳ báo cáo cơ quan, đơn vị thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất (nếu có).

- Được nhận hỗ trợ từ Dự án theo các nội dung được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi và các biện pháp nâng cao hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi.

- Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu quy trình kỹ thuật, các nội dung quy định của Dự án.

- Phải tham gia đầy đủ các buổi họp, tập huấn, học tập kỹ thuật chăn nuôi, phối hợp với các cán bộ chuyên môn trao đổi kinh nghiệm để chăn nuôi thành công.

- Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án. Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu quy trình kỹ thuật, các nội dung quy định của dự án.

- Có trách nhiệm nộp 3% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng tham gia thuộc diện hỗ trợ theo quy định tối đa không quá 3 tháng kể từ khi kết thúc dự án. Cộng đồng tự quản lý, tổ chức thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng. Trường hợp cộng đồng không đủ năng lực quản lý, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cử cán bộ hỗ trợ cộng đồng quản lý, tổ chức quay vòng luân chuyển.

- Sau khi tiếp nhận con giống phải có trách nhiệm chăm sóc con giống theo đúng quy trình kỹ thuật, nếu con giống bị ốm hoặc chết do điều kiện chăm sóc của hộ gia đình thì hộ gia đình phải bồi hoàn bằng con giống khác hoặc số tiền tương đương con giống đã được cấp.

- Định kỳ báo cáo về Uỷ ban nhân dân xã.

- Báo cáo kịp thời các vấn đề phát sinh, rủi ro về UBND xã để có biện pháp xử lý.

- Sau khi Dự án kết thúc vẫn tiếp tục duy trì và mở rộng quy mô trong những năm tiếp theo.

3. Tổ trưởng - Người đại diện Tổ sản xuất cộng đồng

- Tư vấn, lựa chọn và cùng các thành viên Tổ quyết định phương thức mua sắm hàng hóa, dịch vụ và cách thức bàn giao/chuyển giao cụ thể.

- Đứng ra giao dịch với các đơn vị liên quan để thực hiện dự án khi được cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt theo quy định.

- Là người đại diện cho các tổ chức chính trị xã hội, có kinh nghiệm trong chăn nuôi trâu, có trách nhiệm hướng dẫn các hộ thành viên áp dụng các kiến thức khoa học kỹ thuật được tập huấn vào thực tiễn sản xuất và là cầu nối thông tin hai chiều giữa cơ quan quản lý và Tổ sản xuất cộng đồng, truyền tải và phản ánh kịp thời thông tin dự án giúp có các giải pháp phù hợp để thực hiện dự án đạt kết quả cao nhất; thường xuyên nắm bắt tâm tư và kiểm tra giám sát, hướng dẫn các hộ dân thực hiện tuân thủ đúng quy định.

- Chịu trách nhiệm tiếp nhận và quản lý sử dụng kinh phí được hỗ trợ sau khi dự án được phê duyệt, đảm bảo công khai, minh bạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế xã, các bộ phận chuyên môn có liên quan và Tổ sản xuất cộng đồng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Đ/c Chủ tịch, các đ/c PCT UBND xã;
- LĐVP;
- Lưu: VT.

Đạt - KT

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ THẦN SA T.THÁI NGUYÊN

Tạ Việt Hồng

DANH DÁCH

Các hộ tham gia Dự án Chăn nuôi bò vỗ béo" thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn xã Thần Sa năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của UBND xã Thần Sa)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ xóm	Đối tượng	Số con Bò vỗ béo (con)	Ghi chú
1	Ma Hành Du	20/5/1983	Lũng Luông	Hộ làm kinh tế giỏi		Tổ trưởng
2	Trần Văn Mầu	04/10/1993	Trung Thành	Hộ nghèo	1	Tổ phó
3	Trần Văn Vàng	05/8/1944	Trung Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
4	Lý Văn Sỹ	09/9/1987	Trung Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
5	Lý Văn Tịnh	10/8/1990	Trung Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
6	Lý Thị Súng	23/07/1977	Trung Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
7	Lý Văn Sự	24/02/1995	Trung Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
8	Dương Văn Sầu	01/01/1992	Trung Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
9	Dương Văn Sỳ	02/5/1995	Trung Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
10	Dương Văn Tu	10/02/1950	Trung Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
11	Dương Văn Sinh	20/02/1985	Trung Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
12	Dương Văn Thanh	01/01/1972	Trung Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
13	Dương Văn Mỳ	26/04/1987	Trung Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
14	Dương Văn Vàng	20/04/1984	Trung Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
15	Ma Thị Hải	10/10/1971	Trung Thành	Hộ cận nghèo	1	Tổ viên
16	Mã Văn Chợ	06/02/1982	Trung Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
17	Mã Văn Xuân	06/10/1993	Trung Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
18	Lý Văn Sùng	02/1/1967	Tân Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
19	Lý Văn Xính	26/12/1972	Tân Thành	Hộ cận nghèo	1	Tổ viên
20	Lý Văn Hồng	12/10/1991	Tân Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
21	Lý Văn Máy	22/03/1993	Tân Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
22	Lý Văn Hiền	08/8/1995	Tân Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
23	Lý Văn Tỉnh	26/10/1995	Tân Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
24	Lý Thị Pằng	20/10/1974	Tân Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
25	Lý Văn Cường	26/07/1994	Tân Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
26	Lý Văn Chơư	10/10/1976	Tân Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
27	Lý Văn Sinh	15/10/1968	Tân Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
28	Lý Văn Sì	19/03/1978	Tân Thành	Hộ cận nghèo	1	Tổ viên
29	Lý văn Bình	06/8/1989	Tân Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên

30	Lý Văn Bằng	26/10/1994	Tân Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
31	Hoàng Văn Dĩa	06/01/1978	Tân Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
32	Hoàng Văn Sinh	12/6/1991	Tân Thành	Hộ cận nghèo	1	Tổ viên
33	Hoàng Văn Phồng	18/07/1972	Tân Thành	Hộ nghèo	1	Tổ phó
34	Hoàng Văn Sinh	05/7/1959	Tân Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
35	Lý Văn Dĩa	22/10/1985	Tân Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
36	Hoàng Văn Vàng	22/11/1980	Tân Thành	Hộ cận nghèo	1	Tổ viên
37	Hoàng Văn Giằng	22/04/1993	Tân Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
38	Hoàng Văn Dì	07/10/1969	Tân Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
39	Hầu Văn Tu	01/01/1990	Tân Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
40	Hầu Văn Nó	17/12/1996	Tân Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
41	Mã Văn Vàng	12/01/1994	Tân Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
42	Sùng Văn Mái	18/04/1990	Tân Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
43	Ngô Văn Páo	16/10/1972	Tân Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
44	Vương Văn Thái	28/10/1991	Tân Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
45	Lầu Văn Mái	09/6/1982	Tân Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
46	Lý Văn Thành	01/01/1982	An Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
47	Lý Văn Phong	01/01/1976	An Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
48	Sùng Văn Sự	01/01/1976	An Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
49	Lương Khánh Bằng	20/07/1989	An Thành	Hộ nghèo	1	Tổ viên
	Tổng cộng				**48**	

BIỂU DỰ TOÁN KINH PHÍ

Dự án Chăn nuôi bò vỗ béo" thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn xã Thần Sa năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của UBND xã Thần Sa)

ĐVT: Đồng

TT	Các khoản mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	NSNN hỗ trợ 100%(đồng)	Đối ứng người dân (đồng)	Ghi chú
I	**Chi phí trực tiếp**				**1.229.232.000**	**950.160.000**	**279.072.000**	
1	Mua Bò giống vỗ béo trọng lượng TB 180- 185kg/con x 48 con (Tính trọng lượng tối đa 185 kg/con)	Kg	8880	107.000	950.160.000	950.160.000		Theo thẩm định giá
2	Công lao động phổ thông nuôi bò vỗ béo tính theo giờ 1giờ x 90 ngày x 48 con)	Giờ	4.320	16.600	71.712.000		71.712.000	Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 đối với vùng IV
3	Chi phí thức ăn hỗn hợp 270 kg/con x 48 con (Người dân tự đối ứng)	Kg	12.960	16.000	207.360.000		207.360.000	Nội dung số 12 Định mức kinh tế kỹ thuật lĩnh vực chăn nuôi thú y theo QĐ 726/2022/QĐ-BNN-KN
II	**Tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật (01 lớp = 48 người)**	Lớp	1		**13.260.000**	**13.260.000**	**0**	
1	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên: 48 người x 01 ngày x 150.000 đồng/ngày	Người	48	150.000	7.200.000	7.200.000		Thông tư 12/2025/TT-BTC sửa đổi, sổ sung một số điều của TT 40/2017/TT-BTC

TT	Các khoản mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	NSNN hỗ trợ 100%(đồng)	Đối ứng người dân (đồng)	Ghi chú
2	Giải khát giữa giờ: 48 người x 2 buổi x 30.000đ/buổi	Người	48	60.000	2.880.000	2.880.000		Thông tư 12/2025/TT-BTC sửa đổi, sổ sung một số điều của TT 40/2017/TT-BTC
3	Phô tô tài liệu, văn phòng phẩm (Bút bi, túi cúc, vở)	Bộ	48	35.000	1.680.000	1.680.000		Khoản 2 Điều 11 TT40/ 2017/TT-BTC
4	Thù lao báo cáo viên 500.000đồng/buổi	Buổi	2	500.000	1.000.000	1.000.000		Khoản 2 Điều 5 TT 36/2018/TT-BTC
5	Khánh tiết, phục vụ	Lớp	1	500.000	500.000	500.000		Khoản 8 Điều 11 TT40/ 2017/TT-BTC
III	**Chi phí thẩm định giá**				**11.580.000**	**11.580.000**		
1	Chi phí thẩm định giá	gói	1	11.580.000	11.580.000	11.580.000		
Cộng I+II+III					**1.254.072.000**	**975.000.000**	**279.072.000**	